TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5 -2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên

2. Ông Huỳnh Văn Đương

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Cẩm H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H trình bày yêu cầu như sau:

+ *Về hôn nhân*: Chị và anh P quen biết nhau khi đi làm công ty ở Bình Dương, được vài tháng rồi tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 19/9/2017. Sau khi cưới thì sống chung cha mẹ chồng được khoảng 04 năm, vợ chồng tiếp tục đi làm ở Bình Dương. Tuy nhiên, trong thời gian ở Bình Dương thì phát sinh mâu thuẫn do chồng không chịu đi làm kiếm tiền nuôi con, thường hay đi chơi đi uống rượu bia về vợ chồng cự cãi, chồng đánh đập nhiều lần, nên năm 2020 ly thân cho đến nay, thời

gian ly thân vợ chồng không gặp nhau, không thoả thuận việc đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị H xin ly hôn anh Nguyễn Văn P.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim T sinh ngày 13/9/2017 đang sống chung với anh P, chị H để cho anh P tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày như sau:

Vào năm 2017 anh và chị Phạm Thị Cẩm H tự nguyện tiến đến hôn nhân đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống, cách ứng xử và ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Thời gian ly thân thì vợ chồng không bàn bạc việc đoàn tụ, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn thì anh chấp nhận ly hôn. Về con chung:Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim T sinh ngày 13/9/2017 đang sống chung với anh, nay anh yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyễn Ngọc Kim T sinh ngày 13/9/2017 là con chung của chị H và anh P có lời khai cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha là Nguyễn Văn P.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do đi làm công ty tại Bình Dương, việc xin nghĩ rất khó khăn, không thể đến Toà án tham gia hoà giải, xét xử được, tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu theo bản khai đã nộp cho Toà án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

*Về thủ tục tố tụng:*Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị H ly hôn anh P. Về con chung: Nguyễn Ngọc Kim T sinh ngày 13/9/2017 có nguyện vọng sống chung với anh P nên đề nghị chấp nhận cho anh P tiếp tục nuôi con chung theo nguyện vọng của con.Về cấp dưỡng nuôi con anh P không yêu cầu nên không xem xét.Về tài sản chung và nợ chung chị H, anh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa chị H và anh P là tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn đang cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang,

tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, chị H, anh P xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị H và anh P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 19/9/2017 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị H và anh P là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu của chị H về yêu cầu xin ly hôn anh P, thì thấy rằng chị H và anh P đều khai: Trong thời gian sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống, cách ứng xử, giao tiếp, vợ chồng thường xuyên cự cải nên đã sống ly thân, thời gian ly thân chị H và anh P không gặp nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống, tình cảm vợ chồng không còn, nay chị H xin ly hôn, anh P chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị H. Nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa chị H và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H tự nguyện xin ly hôn anh P là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận cho chị H được ly hôn anh P.

[2.3] *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Ngọc Kim T sinh ngày 13/9/2017 hiện tại đang sống chung với anh P, có nguyện vọng sống chung với cha là Nguyễn Văn P.

Xét thấy con chung của chị H và anh P từ khi vợ chồng ly thân, anh P nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con đã ổn định, mặt khác Nguyễn Ngọc Kim T có nguyện vọng được sống chung với anh P, phía chị H đồng ý để anh P nuôi dưỡng con chung vì vậy chấp nhận yêu cầu được nuôi con của anh P, giao con chung cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H và anh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Cẩm H phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Cẩm H được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Ngọc Kim T sinh ngày 13/9/2017 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001232 ngày 16/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Long Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh